

Bản án số: 296/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2018

“V/v Ly hôn giữa chị NaSiR và anh A”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 318/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NA SI R, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ 08 ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Anh A, sinh năm 1979. Nơi cư trú: tổ 08 ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/04/2018, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Na Si R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Na Si R và anh A kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong năm 2007. Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh A không chăm lo cho gia đình mà sa ngã vào nghiện ngập ma túy, mặc dù hai bên gia đình đã hàn gắn, nhưng nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị Na Sa R

cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Na Si R yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: có 01 con chung AFAY, sinh ngày 09/01/2009 hiện nay đang sống với Na Si R, khi ly hôn chị Na Si R yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh A trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh A thống nhất với lời trình bày của chị Na Si R về điều kiện và thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân từ ngày 05/06/2013 cho đến nay. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, có xảy ra cãi vã 01 lần và mâu thuẫn với cha mẹ vợ. Nay theo yêu cầu ly hôn của chị Na Si R thì anh A không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung AFAY, sinh ngày 09/01/2009 hiện nay đang sống với vợ, trong trường hợp Tòa án cho ly hôn tôi đồng ý yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Na Si R vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Anh A vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Na Si R và anh A tranh chấp ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án triệu tập hợp lệ anh A nhưng anh A vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh A.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân của chị Na Si R và anh A kết hôn nhân vào năm 2007 hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong, trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh A tham gia những tệ nạn xã hội như ma túy, từ đó dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, anh A không chăm lo cuộc sống cho gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật xem xét bảo vệ.

Tại phiên tòa chị Na Si R vẫn yêu cầu được ly hôn với anh A, với những mâu thuẫn nêu trên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX nhận thấy chấp nhận yêu

cầu ly hôn của chị Na Si R là phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: có 01 con chung AFAY, sinh ngày 09/01/2009 hiện nay đang sống với Na Si R, anh A và chị Na Si R đồng ý giao con chung cho chị Na Si R được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Na Si R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của anh chị không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật, do đó HĐXX giao con chung AFAY cho chị Na Si R được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Na Si R phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Na Si R được ly hôn anh A.
2. Về con chung: Chị Na Si R được tiếp tục nuôi dưỡng con chung AFAY, sinh ngày 09/01/2009 hiện nay đang sống với Na Si R, chị Na Si R không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có.
4. Về nợ chung: không có.
5. Về án phí: chị Na Si R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004576 ngày 16/04/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

Trần Ngọc Diệu